

Bản án số: 10/2023/HS-ST

Ngày 10-02-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Tô Đình Cam, ông Trịnh Tiến Khoa.

- Thư ký phiên toà: ông Nguyễn Văn Phúc - Thẩm tra viên của Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: bà Vũ Thị Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 10/02/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 64/2022/TLST-HS ngày 01/12/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 87/2022/QĐXXST-HS ngày 29/12/2022, đối với các bị cáo:

1. Vừ Mí C, sinh ngày 19/02/1996, tại huyện M, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú thôn H, xã L, huyện M, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nông nghiệp; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vừ Mí S, sinh năm 1962 và bà Hạ Thị D, sinh năm 1966; có vợ là Hồ Thị C1, sinh năm 1990, có 01 con, sinh năm 2020; tiền án: năm 2018 bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hà Giang xử phạt 15 tháng tù về tội Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi (chấp hành xong hình phạt ngày 12/9/2019); tiền sự: không; nhân thân: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/7/2022; có mặt.

2. Lầu Mí C2, sinh năm 1996, tại huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú thôn L, xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nông nghiệp; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lầu Nở P, sinh năm 1961 và bà Sùng Thị V, sinh năm 1963 (đã chết năm 2013); có vợ là Cháng Thị X, sinh năm 2001, có 01 con, sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: năm 2017, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày 15/12/2017 về tội Trộm cắp tài sản (đã được xóa); bản án hình sự sơ thẩm số 01/2023/HS-ST ngày 09/01/2023 của Toà án nhân dân huyện Đ xử phạt 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/7/2022; có mặt.

3. Vàng Mí S1, sinh ngày 10/11/1988, tại huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú thôn H, xã P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nông nghiệp; trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vàng Nở D1, sinh năm 1964 và bà Vừ Thị M, sinh năm 1968; có vợ là Ly Thị G, sinh năm 1988, có 03 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/7/2022; có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Vừ Mí C, Lầu Mí C2, Vàng Mí S1*: ông Nguyễn Văn L - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Bị hại*:

1. Chị Sùng Thị X1, sinh năm 1987; địa chỉ thôn L, xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang.

2. Chị Vàng Thị C3, sinh năm 2002; địa chỉ thôn S, xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Giang.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại Sùng Thị X1, Vàng Thị C3*:

1. Bà Nguyễn Thị L1 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang; có mặt.

2. Ông Tạ Ngọc V1, Luật sư Văn phòng luật sư T và cộng sự thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ 879, H, quận H, thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Người làm chứng*: ông Vàng Mí C4, vắng mặt.

- *Người phiên dịch*: anh Vừ Mí L2, sinh năm 2000; nơi cư trú thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đối với bị hại Sùng Thị X1: năm 2015, Vừ Mí C có quen biết Vàng Mí V2, C thường xuyên đến nhà V2 chơi nên có biết Sùng Thị X1 và Vàng Mí C4 (*là anh trai của V2 và chung sống như vợ, chồng với X1*). Đến tháng 11 và tháng 12/2019 (*không nhớ ngày*), C đã nhiều lần điện thoại cho X1 hỏi có muốn sang Trung Quốc làm thuê không, X1 không đồng ý vì con còn nhỏ, lại gần đến tết nên X1 không đi, C nói vậy ăn tết xong nếu đi làm thì đi. Sau nhiều lần C gọi điện thoại rủ X1 đi làm thuê, đến ngày 08/3/2020 thì X1 đồng ý với C đi sang Trung Quốc làm thuê.

Vào đầu năm 2020 (*không nhớ chính xác ngày, tháng*), C đi chợ xã L, huyện Đ gặp Lầu Mí H, cùng đi với H có Lầu Mí C1, C làm quen với C1 và cho nhau số điện thoại để liên lạc. Khi về nhà, C gọi điện thoại cho C1 và nói: có quen một người phụ nữ hỏi C1 có biết ai mua người ở bên Trung Quốc không? C sẽ cho C1 1.000 Nhân dân tệ (CNY), C1 đồng ý. Sau đó, C1 gọi điện thoại cho Vàng Mí S1 hỏi có biết ai bên Trung Quốc muốn mua phụ nữ không, S1 nói

là biết nhưng để hỏi lại, sau đó S1 gọi điện thoại cho một người đàn ông Trung Quốc tên là Ly Mí P1 (*khoảng hơn 40 tuổi, không rõ địa chỉ tại T, Trung Quốc*) trao đổi về việc đang có một người phụ nữ muốn đưa sang Trung Quốc bán với giá 01 vạn CNY, nhưng P1 nói với S1 là chỉ trả 8.000 CNY, nếu đồng ý bán thì đưa người đến giao tại khu vực biên giới xã P, huyện Y. Sau đó, S1 báo lại cho C1 và yêu cầu C1 nói với C phải trả công cho S1 là 3.000 CNY, C đồng ý.

Ngày 09/3/2020, C1 và C hẹn gặp nhau tại khu vực gần ngã ba P, huyện Đ để bàn cách đi bán. C1 và S1 sẽ đi theo đường L, còn C về nhà X1 chờ X1. Thống nhất xong, S1 điều khiển xe máy chở C1 đi trước, còn C đến đón Sùng Thị X1. Khi đến biên giới thuộc xã L, huyện Đ thì trời tối, S nói người Trung Quốc bây giờ không mang theo tiền, cứ giao người trước rồi ngày mai sẽ trả tiền sau, vì sợ bị lừa nên C không đồng ý và đưa X1 về nhà X1. Sau đó, C đi đến nhà C1 rồi ngủ lại qua đêm tại đó. Sáng ngày 10/3/2020, C1 và C đi xe máy của C xuống xã P, huyện Đ để tiếp tục bàn chuyện đưa bị hại X1 đi bán. C1 gọi điện thoại gọi rủ S1 ra uống nước, khi cả ba người ngồi uống nước thì S1 nói sẽ đưa bị hại qua mốc 8 (*nay là Mốc 359 thuộc thôn X, xã P, huyện Y*) và bảo C về đón X1 ở thôn L, xã S, huyện Đ bằng xe máy Honda Wave alpha (*không nhớ biển kiểm soát*) của C. S1 chở C1 đi trước bằng xe máy nhãn hiệu Honda RSX, vành đúc, màu sơn đỏ, đen, biển kiểm soát 23N-119.95. Trên đường đi, C1 điện thoại cho C chỉ đường đi. Khi đến biên giới thuộc thôn X, xã P, huyện Y, tỉnh Hà Giang thì S1 và C1 dừng lại, S1 đi bộ theo đường mòn khoảng 50 mét đến Mốc 359 gặp Ly Mí P1 đi cùng 02 người đàn ông Trung Quốc, còn C1 đứng cách mốc một đoạn. Một lúc sau, C chở X1 đến chỉ tay về hướng biên giới chỗ S1 và những người Trung Quốc đang đứng và nói "*Chị lên trên kia đi theo bọn họ để đi làm*", X1 nghe theo và đi bộ đến chỗ người Trung Quốc. Sau khi giao người xong, một người đàn ông đi cùng Ly Mí P1 đã đưa cho S1 số tiền 8.000 CNY. Giao dịch xong, C điều khiển xe máy đi trước, S1 chở C1 đi theo sau, khi về đến ngã ba đường rẽ vào xã L, huyện Đ thì dừng xe lại. S1 lấy ra 8.000 CNY đưa cho C, lúc đó C đếm và đưa lại cho S1 số tiền 1.000 CNY và không đưa tiền cho C1. Số tiền tiền trên C và S1 tiêu sài cá nhân hết.

Về phía Sùng Thị X1 sau khi bị các đối tượng người Trung Quốc dẫn đi bộ đến đường ô tô thấy có 03 xe máy dựng ven đường, một người đàn ông dân tộc Hán chở X1 đi về nhà người đó. Tại đây, X1 bị nhốt và ép làm vợ người này. Khoảng 20 ngày sau, lợi dụng sơ hở X1 bỏ trốn nhưng bị người chồng Trung Quốc phát hiện đuổi theo bắt giữ lại, X1 không đồng ý quay lại nên người chồng Trung Quốc đưa X1 đến gặp Ly Mí P1 là người Trung Quốc đi cùng ra biên giới đón mua X1 về làm vợ. Khi gặp nhau, người chồng Trung Quốc đòi P1 trả lại số tiền đã mua X1 là 26.000 CNY và giao X1 lại cho P1. X1 tiếp tục bị giữ ở lại nhà P1 được 08 ngày, lợi dụng sơ hở của P1, X1 đã bỏ trốn ra ngoài và tìm đến Công an Trung Quốc trình báo sự việc, sau đó được Công an Trung Quốc giải cứu và trao trả về Việt Nam qua mốc 359 xã B, huyện Y, tỉnh Hà Giang.

Đối với bị hại Vàng Thị C3: khoảng sau tết âm lịch năm 2020 (*không nhớ ngày, tháng*), Vừ Mí C đi chợ xã X, huyện M, quen biết với Ly Mí S2, sau khi quen biết S2 rủ C về nhà ăn cơm. Khoảng hơn một tuần sau, S2 gọi điện

thoại cho C nói *"Tao có một chị gái ở Trung Quốc, chị ấy có một người em trai bên chồng chưa có vợ muốn tìm một người phụ nữ Việt Nam mua về làm vợ, mày xem có tìm được em gái nào chưa có chồng thì báo với tao"*, C trả lời là không có.

Đến khoảng tháng 3/2020, do C nắm nhăm vào số thuê bao của Vàng Thị C3, C giới thiệu tên là M1. Sau đó, C thường xuyên gọi điện thoại với C3 để tán tỉnh, yêu đương và nói muốn lấy C3 làm vợ. Đến ngày 18/6/2020, C gọi điện thoại rủ C3 đi về nhà C chơi, C3 đồng ý. C đến đón C3 bằng xe máy nhãn hiệu Honda Wave alpha (*không nhớ biển kiểm soát*) đi từ xã L qua thị trấn Đ đến đèo M, khi đến khu vực xã P, huyện M thì C nảy sinh ý định lừa bán C3 cho Ly Mí S2. C dừng xe lại, chủ động đứng cách xa, lấy điện thoại ra gọi cho S nói *"Em đã tìm được một người con gái, giờ em đưa đến cho anh, anh mua không"*, S2 trả lời *"Có"*, S2 hỏi lại *"Đứa này khoảng bao nhiêu tuổi"*, C trả lời *"Khoảng 19 đến 20 tuổi, chưa lấy chồng"*, S2 nói *"Bây giờ muốn rồi để mai đưa lên"*. Sau đó, C đưa C3 đến thuê phòng tại nhà nghỉ T ở thị trấn M và ngủ qua đêm tại đây. Khoảng 03 giờ sáng ngày 19/6/2020, C gọi C3 dậy rồi tiếp tục chở C3 đi theo đường đến xã T, huyện M. Trên đường đi, C gọi điện hỏi S2 là đi theo đường nào, gặp nhau ở đâu, S2 nói cứ đi theo đường vào nhà S2, khi nào gặp 01 chiếc xe máy thì dừng lại. C chở C3 đi theo sự hướng dẫn của S2. Khi đến khu vực biên giới thuộc địa phận thôn H, xã T, huyện M, tỉnh Hà Giang, C thấy một chiếc xe máy và dừng xe lại thì thấy S2 đi bộ đến cùng 03 người đàn ông Trung Quốc (*không rõ nhân thân, lai lịch*) đi từ phía trên xuống. Khi gặp nhau S2 nói với C *"Bảo đứa kia đi cùng 03 người kia đi"*, C quay lại nói với C3 *"Em đi cùng ba người kia trước đi, tí nữa anh đi sau"*. C3 đồng ý đi theo 03 người lạ, sau đó S2 trả cho C số tiền 6.000 CNY, C đi ra chợ thị trấn M đổi được hơn 20.000.000 đồng và đã tiêu sài hết số tiền trên.

Còn về phía Vàng Thị C3 bị Ly Mí S2 và các đối tượng đi cùng đưa sang Trung Quốc bán cho một người đàn ông tên là X2, dân tộc Mông, ở huyện Q, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc (*họ, tên đệm và địa chỉ chính xác của người này C3 không biết*) mua về làm vợ. Đến tháng 02/2022, lợi dụng sơ hở, C3 đã trốn thoát và đến đồn Công an Trung Quốc trình báo. Sau đó, C3 được trao trả về Việt Nam qua Đồn Biên phòng X, huyện M.

Tại bản Cáo trạng số 36/CT-VKS-P2 ngày 29/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo Vừ Mí C về tội "Mua bán người" theo quy định tại điểm d, e khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự, các bị cáo Lầu Mí C1, Vàng Mí S1 về tội "Mua bán người" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà các bị cáo Vừ Mí C, Lầu Mí C1, Vàng Mí S1 xác nhận toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu là đúng, không có ý kiến bổ sung thêm, các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Các bị cáo nhất trí bồi thường cho bị hại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà người bị hại là Sùng Thị X1, Vàng Thị C3 có ý kiến: về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật; về trách

nhệm dân sự bị hại Sùng Thị X1 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường danh dự, nhân phẩm số tiền là 10.000.000 đồng; bị hại Vàng Thị C3 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường danh dự, nhân phẩm số tiền là 30.000.000 đồng. Bị hại X1, C3 xác nhận tại phiên toà gia đình bị cáo Vừ Mí C đã tự nguyện bồi thường cho các bị hại mỗi người số tiền là 2.000.000 đồng, các bị hại đều có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên toà giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị HĐXX tuyên bố Vừ Mí C phạm tội "Mua bán người" theo quy định tại điểm d, e khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự, các bị cáo Lầu Mí C1, Vàng Mí S1 phạm tội "Mua bán người" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt: áp dụng điểm d, e khoản 2 Điều 150, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vừ Mí C xử phạt bị cáo Vừ Mí C từ 11 đến 12 năm tù, thời hạn tù tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 28/7/2022.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 150, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lầu Mí C1, xử phạt bị cáo Lầu Mí C1 09 đến 10 năm tù về tội Mua bán người. Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt 30 (ba mươi) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản tại bản án hình sự sơ thẩm số 01/2023/HS-ST ngày 09/01/2023 của Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang, buộc bị cáo Lầu Mí C1 phải chấp hành hình phạt chung là từ 11 năm 06 tháng đến 12 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 29/7/2022, được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 26/6/2022 đến ngày 05/7/2022.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 150, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vàng Mí S1 xử phạt bị cáo Vàng Mí S1 từ 09 đến 10 năm tù, thời hạn tù tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 29/7/2022.

Về vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc xe máy, nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE RSX, vành đúc, màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 23N1-119.95.

Truy thu sung nộp vào ngân sách nhà nước số tiền mà các bị cáo Vừ Mí C, Vàng Mí S1 đã thu lợi bất chính từ việc mua bán người, cụ thể: truy thu của Vừ Mí C 13.000 CNY và truy thu của Vàng Mí S1 1.000 CNY.

Về trách nhiệm dân sự: đề nghị HĐXX áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, 585, 587 và Điều 592 Bộ luật Dân sự buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm cho bị hại X1 số tiền là 10.000.000 đồng, bồi thường cho bị hại C3 số tiền là 14.900.000 đồng theo quy định của pháp luật. Xác nhận bị cáo C đã bồi thường cho các bị hại X1, C3 mỗi bị hại 2.000.000 đồng.

Về án phí: áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn các khoản tiền án phí cho các bị cáo.

Ông Nguyễn Văn L - Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo có ý kiến: hành vi phạm tội của các bị cáo là rõ ràng, bị cáo Vừ Mí C bị truy tố, xét xử về tội "Mua bán người" theo điểm d, e khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Lầu Mí C1, Vàng Mí S1 bị truy tố, xét xử về tội "Mua bán người" theo điểm d khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; là người dân tộc thiểu số nhận thức về pháp luật còn hạn chế, hoàn cảnh gia đình khó khăn, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bị cáo Cáy đã tác động đến gia đình tự nguyện bồi thường cho các bị hại số tiền là 2.000.000 đồng/người. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự, riêng bị cáo C đề nghị áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cân nhắc, xem xét xử phạt bị cáo C từ 10 đến 11 năm tù; xử phạt bị cáo C1, S1 từ 08 đến 09 năm tù. Về vật chứng: trả lại cho bị cáo S1 01 chiếc xe máy đã bị thu giữ. Về trách nhiệm dân sự: xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật. Về án phí: miễn các khoản tiền án phí cho các bị cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho các bị hại ông Tạ Ngọc V1 và bà Nguyễn Thị L1 cùng có ý kiến: nhất trí với việc truy tố, xét xử các bị cáo về tội "Mua bán người" và việc đưa các bị cáo ra xét xử là cần thiết, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm hại đến quyền bất khả xâm phạm về danh dự, nhân phẩm của các bị hại. Nhất trí với ý kiến, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang về tội danh, hình phạt, trách nhiệm dân sự, vật chứng và án phí.

Các bị cáo nhất trí với lời bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý, không bổ sung thêm. Khi nói lời sau cùng, các bị cáo tỏ rõ sự ăn năn hối cải và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng là ông Vàng Mí C4 không có lý do. HĐXX xét thấy người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai có trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên

căn cứ Điều 293, Điều 299 Bộ luật Tố tụng hình sự, HĐXX thảo luận và quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về tội danh: tại phiên tòa các bị cáo Vũ Mí C, Lầu Mí C1, Vàng Mí S1 đã xác nhận nội dung, diễn biến hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu, phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, không mâu thuẫn, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, kết quả khám nghiệm hiện trường, thực nghiệm điều tra, biên bản nhận dạng, biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[4] Từ các căn cứ trên đã có đủ cơ sở để khẳng định: do không có tiền tiêu sai cá nhân nên Vũ Mí C đã nảy sinh ý định tìm những người phụ nữ để lừa gạt và bán sang Trung Quốc. Để thực hiện được ý định trên C đã lừa bị hại Sùng Thị X1 sang Trung Quốc để đi làm thuê. Ngày 10/3/2020 C đã cùng Vàng Mí S1 và Lầu Mí C1 lừa bán Sùng Thị X1 cho Ly Mí P1 và 02 người đàn ông Trung Quốc (không xác định được nhân thân, lai lịch) tại Mốc 359 thuộc thôn X, xã P, huyện Y, tỉnh Hà Giang với giá 8.000 CNY. S1 là người trực tiếp giao dịch và nhận tiền rồi đưa lại tiền cho C, C đưa cho S 1.000 CNY, còn C1 không được C chia tiền. Số tiền thu được các bị cáo C và S1 đã tiêu sai cá nhân hết. Đến ngày 19/6/2020 tại khu vực biên giới thôn H, xã T, huyện M, tỉnh Hà Giang, một mình Vũ Mí C tiếp tục thực hiện hành vi lừa bán Vàng Thị C3 cho Ly Mí S2 và 03 người đàn ông Trung Quốc được 6.000 CNY, số tiền có được từ việc mua bán người C đã tiêu sai cá nhân hết.

[5] Như vậy, hành vi của bị cáo Vũ Mí C như đã nêu ở trên đã đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán người" được quy định tại các điểm d, e khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự; Hành vi của các bị cáo Lầu Mí C1, Vàng Mí S1 đã đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán người" được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo: hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm hại đến quyền tự do, danh dự, nhân phẩm của công dân đã được pháp luật bảo vệ, xem phụ nữ như một món hàng hóa, mua bán lấy tiền, làm ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục, truyền thống của người phụ nữ Việt Nam, gây dư luận xấu, ảnh hưởng đến tình hình an ninh ở địa phương, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân. Bản thân các bị cáo là người khỏe mạnh bình thường, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc làm của mình là sai trái nhưng vì vụ lợi cá nhân mà coi thường pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần có mức án nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội với một thời hạn thích hợp đối với từng bị cáo cho tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra mới bảo đảm được việc giáo dục, răn đe người phạm tội và phòng ngừa chung.

[7] Về vị trí, vai trò của các bị cáo trong vụ án: bị cáo Vũ Mí C là người khởi xướng và giữ vai trò chính, tích cực thực hiện hành vi phạm tội, ngoài việc cùng với C1, S1 thực hiện việc lừa bán bị hại X1, C còn một mình thực hiện hành vi lừa bán bị hại C3 qua biên giới, nên mức hình phạt áp dụng đối với bị

cáo Vừ Mí C phải cao hơn các bị cáo khác; đối với bị cáo Lầu Mí C1, Vàng Mí S1 cùng là người thực hành tích cực trong việc đưa bị hại X1 qua biên giới Việt Nam để bán cho 02 người Trung Quốc; bản thân bị cáo C1 có nhân thân xấu, đã từng bị kết án về tội Trộm cắp tài sản, ngoài ra ngày 09/01/2023 tiếp tục bị Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang xử phạt 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản tại bản án hình sự sơ thẩm số 01/2023/HS-ST; còn bị cáo S1 trực tiếp sử dụng phương tiện xe máy của mình vào mục đích đưa bị hại qua biên giới, là người trực tiếp giao dịch mua bán và cùng được hưởng lợi ích từ việc bán bị hại X1 cho người Trung Quốc nên mức hình phạt đối với các bị cáo Lầu Mí C1, Vàng Mí S1 cần được áp dụng bằng nhau.

[8] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

[9] Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

[10] Đối với bị cáo Vừ Mí C: bản thân bị cáo có 01 tiền án về tội "Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi" chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi mua bán người. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo C thuộc trường hợp tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[11] Đối với bị cáo Lầu Mí C1, Vàng Mí S1: không.

[12] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; tại phiên tòa các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; các bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng sâu, vùng xa có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; bị cáo C1, S1 trình độ văn hóa thấp, nhận thức và hiểu biết pháp luật còn hạn chế, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Vừ Mí C đã tác động đến gia đình tự nguyện bồi thường cho các bị hại X1, C3 mỗi người số tiền là 2.000.000 đồng/người nên cần áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo C.

[13] Về hình phạt bổ sung: các bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu, vùng xa, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên HĐXX xét thấy không cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[14] Cần tiếp tục ra quyết định tạm giam đối với các bị cáo Vừ Mí C, Lầu Mí C1, Vàng Mí S1 với thời hạn là 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm theo Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[15] Về vật chứng của vụ án: đối với 01 chiếc xe máy, nhãn hiệu HONA, loại xe WAVE RSX, vành đúc, màu sơn đỏ đen, không kiểm tra tình trạng hoạt động của xe, không kiểm tra máy bên trong của xe, biển kiểm soát 23N1-119.95 là xe máy của bị cáo Vàng Mí S1 sử dụng vào việc đưa bị hại X1 qua biên giới, đây là vật chứng có liên quan trực tiếp đến tội phạm nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[16] Đối với khoản tiền thu lợi bất chính: quá trình điều tra và tại phiên tòa đã xác định Vừ Mí C đã thu lợi bất chính số tiền là 13.000 CNY, Vàng Mí S1 đã thu lợi bất chính số tiền là 1.000 CNY từ việc mua bán người; theo Công

văn số 13/HAG-TH ngày 05/01/2023 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam, chi nhánh tỉnh Hà Giang về việc cung cấp thông tin tỷ giá giữa đồng Việt Nam (VND) và Nhân dân tệ (CNY) thì tỷ giá đồng CNY và VND tại thời điểm tháng 01 năm 2023 là 01 CNY = 3.420,68 VND. Do đó, cần truy thu sung ngân sách nhà nước của Vừ Mí C số tiền là $13.000 \text{ CNY} \times 3.420,68 = 44.469.000$ đồng; truy thu sung ngân sách nhà nước của Vàng Mí S1 số tiền là $1.000 \text{ CNY} \times 3.420,68 = 3.421.000$ đồng.

[17] Về trách nhiệm dân sự: tại phiên tòa bị hại X1 giữ nguyên yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm số tiền là 10.000.000 đồng; bị hại C3 yêu cầu bị cáo C phải bồi thường số tiền là 30.000.000 đồng. Các bị hại xác nhận tại phiên tòa gia đình bị cáo C đã bồi thường cho các bị hại mỗi người số tiền là 2.000.000 đồng.

[18] Đối với yêu cầu bồi thường của bị hại X1: HĐXX xét thấy yêu cầu của bị hại X1 là phù hợp và có căn cứ nên cần được chấp nhận và buộc các bị cáo C, C1, S1 phải liên đới bồi thường cho bị hại X1 số tiền là 10.000.000 đồng. Trong đó, bị cáo C là người có vai trò chính, thực hiện đắc lực hành vi phạm tội và thu lợi nhiều nhất từ việc mua bán người nên bị cáo C có trách nhiệm bồi thường cho bị hại X1 nhiều hơn so với bị cáo C1, S1; bị cáo S1 cũng được thu lợi từ việc mua bán người nên bị cáo S1 phải bồi thường cho bị hại X1 nhiều hơn bị cáo C1.

[19] Đối với yêu cầu bồi thường của bị hại C3 là quá cao và không hợp lý. Do đó, HĐXX chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của bị hại C3 và xử buộc bị cáo C phải bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm bị xâm hại cho bị hại C3 với mức bồi thường hợp lý theo quy định tại khoản 2 Điều 592 Bộ luật Dân sự.

[20] Xác nhận bị cáo C đã bồi thường cho các bị hại X1, C3 mỗi người số tiền là 2.000.000 đồng, bị cáo C còn phải tiếp tục bồi thường phần còn thiếu.

[21] Trong vụ án này bị cáo Lầu Mí C1 ngoài việc đã thực hiện hành vi Mua bán người, bị cáo còn thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản và bị xử phạt 30 tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 01/2023/HS-ST ngày 09/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang (bản án đã có hiệu lực pháp luật). Do đó, cần áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án.

[22] Trong vụ án mua bán người xảy ra ngày 10/3/2020, tại thôn X, xã P, huyện Y, tỉnh Hà Giang còn có đối tượng Ly Mí P1, khoảng 40 tuổi, là người dân tộc Mông, quốc tịch Trung Quốc và 02 người đàn ông Trung Quốc khác tham gia thực hiện hành vi mua bị hại Sùng Thị X1. Tuy nhiên, bị cáo Vàng Mí S1, bị hại X1 không biết được chính xác thông tin, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang chưa có căn cứ để xử lý khi nào đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

[23] Đối với vụ án mua bán người, xảy ra ngày 19/6/2020 tại thôn H, xã T, huyện M, tỉnh Hà Giang, đối tượng Ly Mí S2, sinh năm 1986, trú tại thôn T, xã T, huyện M, tỉnh Hà Giang (S2 đang bị truy nã theo Quyết định truy nã số 01/QĐ-CSĐT, ngày 21/12/2020 của Cơ quan CSĐT Công an huyện M, tỉnh Hà Giang về tội Mua bán người) và 03 đối tượng khác cùng với S2 thực hiện hành vi đưa bị

hại Vàng Thị C3 đi bán. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang nhiều lần xác minh nhưng chưa xác định được nơi lẩn trốn của S2. Quá trình điều tra bị hại Vàng Thị C3 không nhớ được đặc điểm nhận dạng của S2 và các đối tượng đi cùng S2 nên không thể tiến hành nhận dạng. Hiện nay, chỉ có lời khai của bị cáo Vừ Mí C đối với hành vi phạm tội của Ly Mí S2, nên chưa đủ căn cứ xử lý hành vi của S2. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang tách hành vi của đối tượng Ly Mí S2 và các đối tượng có liên quan để tiếp tục xác minh làm rõ, đủ căn cứ sẽ xử lý sau. Đối với người đàn ông Trung Quốc đã mua bị hại C3 về làm vợ do không biết thông tin họ tên, địa chỉ chính xác nên không có căn cứ để xử lý.

[24] Ý kiến, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

[25] Chấp nhận một phần ý kiến, đề nghị của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Vừ Mí C, Lầu Mí C1, Vàng Mí S1.

[26] Chấp nhận ý kiến, đề nghị của người bảo vệ, quyền lợi ích hợp pháp của các bị hại.

[27] Về án phí: các bị cáo Vừ Mí C, Lầu Mí C1, Vàng Mí S1 là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí. Do đó, cần căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn các khoản tiền án phí cho các bị cáo.

[28] Về quyền kháng cáo: các bị cáo, các bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: tuyên bố các bị cáo Vừ Mí C, Lầu Mí C1, Vàng Mí S1 phạm tội "Mua bán người".

2. Về hình phạt

Áp dụng điểm d, e khoản 2 Điều 150, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vừ Mí C 12 (mười hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 28/7/2022.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 150, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lầu Mí C1, xử phạt bị cáo Lầu Mí C1 09 (chín) năm tù về tội Mua bán người. Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt 30 (ba mươi) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản tại bản án hình sự sơ thẩm số 01/2023/HS-ST ngày 09/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang, buộc bị cáo Lầu Mí C1 phải chấp hành hình phạt chung là 11 (mười một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 29/7/2022, được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 26/6/2022 đến ngày 05/7/2022.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 150, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vàng Mí S1, xử phạt bị cáo Vàng Mí S1 09 (chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 29/7/2022.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Vừ Mí C, Lầu Mí C1 Vàng Mí S1.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự, quyết định tạm giam đối với các bị cáo Vừ Mí C, Lầu Mí C1, Vàng Mí S1 với thời hạn là 45 ngày kể từ ngày tuyên án.

3. Về vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 chiếc xe máy, nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE RSX, vành đúc, màu sơn đỏ đen, không kiểm tra tình trạng hoạt động của xe, không kiểm tra máy bên trong của xe, biển kiểm soát 23N1-119.95, số khung RLHJA3806KY004968, số máy JA38E0463939, xe đã cũ, đã qua sử dụng (xe máy của bị cáo Vàng Mí S1).

(Tình trạng các vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/12/2022 giữa Công an tỉnh Hà Giang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang)

Truy thu sung ngân sách nhà nước đối với bị cáo Vừ Mí C số tiền là 13.000 CNY x 3.420,68 VND = 44.469.000 đồng; truy thu sung ngân sách nhà nước đối với bị cáo Vàng Mí S1 số tiền là 1.000 CNY x 3.420,68 VND = 3.421.000 đồng.

4. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, 585, 587 và Điều 592 Bộ luật Dân sự.

Buộc các bị cáo Vừ Mí C, Lầu Mí C1, Vàng Mí S1 có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm số tiền là 10.000.000 đồng cho bị hại Sùng Thị X1. Trong đó, bị cáo Vừ Mí C phải bồi thường 5.000.000 đồng, xác nhận bị cáo C đã bồi thường được 2.000.000 đồng, bị cáo C còn phải bồi thường số tiền là 3.000.000 đồng; bị cáo Vàng Mí S1 phải bồi thường 3.000.000 đồng; bị cáo Lầu Mí C1 phải bồi thường 2.000.000 đồng.

Buộc bị cáo Vừ Mí C phải bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm cho bị hại Vàng Thị C3 số tiền là 10.000.000 đồng, xác nhận bị cáo C đã bồi thường được 2.000.000 đồng, bị cáo C còn phải bồi thường số tiền là 8.000.000 đồng.

Số tiền nói trên kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí: căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn các khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm cho các bị cáo Vừ Mí C, Lầu Mí C1, Vàng Mí S1.

6. Quyền kháng cáo: các bị cáo và các bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Công an tỉnh Hà Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Mạnh Cường